

Bản án số: 843/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý;
2. Bà Lê Thị Tố Nữ.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Cương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1908/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Chấn H, sinh năm: 1986; (có đơn vắng mặt)

Thường trú: số 72C/14A đường B, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Trịnh Hoàng Q, sinh năm: 1994; (vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: số 55/16/3/5 đường T, khu phố Z, phường B, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của Ông Lưu Chấn H và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

* *Nguyên đơn Ông Lưu Chấn H trình bày:* Ông Lưu Chấn H và Bà Trịnh Hoàng Q chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2013, quyển số 1/2013, cấp ngày 18/3/2013 của Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Trong quá trình chung sống thì Ông H và Bà Q chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Hai bên sống ly thân từ năm 2014 đến nay, từ năm 2014 Bà Q về nhà mẹ ruột sinh sống. Ông H nhiều lần đến nhà mẹ ruột Bà Q tìm gặp Bà Q nhưng không gặp và

sau đó Bà Q đi đâu không ai rõ nơi đến dù Ông H đã dùng mọi biện pháp tìm kiếm. Năm 2019, Ông H nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với Bà Trịnh Hoàng Q và đến nay Ông H cũng không có tin tức gì của Bà Q. Ông H yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho ông ly hôn với Bà Trịnh Hoàng Q vì Bà Q đi đâu không rõ và cũng không báo cho Ông H biết. Như vậy, Bà Q không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình và không có thiện chí hàn gắn gia đình. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Chấn H yêu cầu được ly hôn với Bà Trịnh Hoàng Q.

- Về con chung: Ông Lưu Chấn H trình bày hai bên không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lưu Chấn H trình bày hai bên không có.

* *Bị đơn là Bà Trịnh Hoàng Q*: Bị đơn đã bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 693/2019/QĐST-DS ngày 15/11/2019 nên vắng mặt tại phiên tòa. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo thủ tục chung đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Lưu Chấn H có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, thủ tục tố tụng*: Ông Lưu Chấn H và Bà Trịnh Hoàng Q có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2013, quyền số 1/2013, cấp ngày 18/3/2013 của Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố H, Ông H có yêu cầu xin ly hôn với Bà Trịnh Hoàng Q nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn là Bà Trịnh Hoàng Q, sinh năm 1994, nơi cư trú cuối cùng tại số 55/16/3/5 đường Tây Lân, khu phố 7, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn là Ông Lưu Chấn H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là Bà Trịnh Hoàng Q đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội

đồng xét xử tiến hành án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 24/2013, quyển số 1/2013, cấp ngày 18/3/2013 của Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai của Ông H về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa Ông H và Bà Q là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông H có yêu cầu ly hôn với Bà Q vì quá trình sống chung của Ông H và Bà Q không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Hai bên sống ly thân từ năm 2014 đến nay, từ năm 2014 Bà Q bỏ đi biệt tích đến nay mà không có tin tức gì và đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 693/2019/QĐST-DS ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân. Như vậy, Bà Q không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình và không có thiện chí hàn gắn với Ông H, Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với Bà Q. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo thủ tục chung nhưng cũng không có tin tức của Bà Q.

Từ những căn cứ trên cho thấy, mâu thuẫn quan hệ hôn nhân giữa Ông H và Bà Q đã diễn ra trầm trọng, không có khả năng hàn gắn gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Lưu Chấn H đối với Bà Trịnh Hoàng Q.

- Về con chung: Ông Lưu Chấn H trình bày Ông H và Bà Q không có con chung nên Tòa án không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lưu Chấn H trình bày Ông H và Bà Q không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xét.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Lưu Chấn H phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Lưu Chấn H đối với Bà Trịnh Hoàng Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2013, quyền số 1/2013, cấp ngày 18/3/2013 của Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Ông Lưu Chấn H và Bà Trịnh Hoàng Q không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Ông Lưu Chấn H trình bày Ông H và Bà Q không có con chung nên Tòa án không xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Lưu Chấn H trình bày Ông H và Bà Q không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xét.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Lưu Chấn H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Ông H đã nộp theo biên lai thu số 0064606 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lưu Chấn H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. *Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị*: Ông Lưu Chấn H và Bà Trịnh Hoàng Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hải